

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-PT

Ngày 21-02-2025

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Vỹ

*Các Thẩm phán:* Bà Đào Thị Huệ

Bà Bùi Thị Thương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số T, tổ A, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 21-8-2024 (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh K, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: T, P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 04-11-2022 (có mặt).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị Hoài T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: T, tổ A, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T:*

Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: T, P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 04-11-2022 (có mặt).

*- Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Á, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Công ty V, tổ C, ấp P, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Huỳnh T1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số D, P, S, V, Australia (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Huỳnh Thị Kim H1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: T, tổ A, ấp T, xã P, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

5. Ông Nguyễn T3, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 3, tỉnh lộ 37, khu phố, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*- Người kháng cáo:*

Ông Huỳnh D – Nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Huỳnh D và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:*

Ông D và ông K là 2 anh em ruột. Năm 2002, ông D thuê ông K về làm lái xe, kiêm quản lý đội xe của doanh nghiệp V1 do ông D làm chủ, lương các bên thỏa thuận. Tên gọi “Doanh nghiệp vận tải Duy T2” được ghép từ tên con của ông D tên D1 và con ông T1 tên T2 (ông T1 là anh trai ông D). Năm 2015, ngoài em trai là ông K thì ông D xảy ra mâu thuẫn với các anh chị em còn lại nên ông D cắt đứt liên lạc, chấm dứt quan hệ làm ăn với những người anh em này.

Thời điểm nay, công việc kinh doanh vận tải thuận lợi nên ông D quyết định trích số tiền 4.200.000.000 đồng giao cho ông K và yêu cầu ông K phải chia lại cho các anh chị em trong gia đình. Số tiền 4.200.000.000 đồng được ông D giao trực tiếp cho ông K thành 03 đợt. Tuy nhiên, khi ông K nhận đủ số tiền trên, ông K không chia lại cho các anh chị em trong gia đình, do thời điểm này giữa ông D và các anh chị em còn lại mâu thuẫn, không qua lại, liên lạc với nhau nên ông D không hay biết việc này. Mãi đến 6 năm sau, khi mẹ của ông D và ông K chết, lúc này giữa ông D và ông K phát sinh mâu thuẫn, trong khi những mâu thuẫn giữa ông D với các anh chị em còn lại lại được hóa giải, tình cảm anh chị em được hàn gắn,

lúc này ông D mới biết những mâu thuẫn giữa ông D với anh chị em trong gia đình là do ông K cố tình sắp đặt, dựng chuyện và số tiền 4.200.000.000 đồng mà ông D đã giao cho ông K để chia lại cho các anh chị em bị ông K chiếm giữ cho riêng mình. Ông D xác nhận các anh em trong gia đình không liên quan đến văn bản thỏa thuận là do ông K tự ý ghi.

Nay, ông D yêu cầu ông K trả tiền gốc và lãi tổng cộng là 6.860.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn D2 rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông D2 chỉ yêu cầu ông K trả lại số tiền gốc là 4.200.000.000 đồng, không yêu cầu ông K phải thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền này.

*Bị đơn bị đơn ông Huỳnh K và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Năm 1996, cha mẹ ông K đầu tư mà mua cho gia đình, (trong đó có D2 - K) 01 chiếc xe khách loại 45 chỗ đứng tên ông Nguyễn Văn S chạy tuyến TP . - Vũng Tàu và đăng ký kinh doanh tuyến Cố định tại hợp tác xã T4. Sau 3 năm hoạt động kinh doanh thì ông K là người quản lý điều hành. Năm 1999 thấy kinh doanh không hiệu quả gia đình ông trong đó có ông D2 bán xe và chuyển sang hoạt động kinh doanh bù lon đóng ghe tàu tại nhà. Năm 2003 cha mẹ và chúng tôi xây dựng hoàn tất căn nhà 01 trệt 01 lầu tại địa điểm trên, lúc này cha mẹ tôi có ủy quyền giấy chứng nhận nhà cho ông D2 vay ngân hàng để mua xe khách. Năm 2004, kinh doanh tại hợp tác xã L chiếc xe biển kiểm soát 72N - 9171 và 01 xe khách 35 chỗ biển kiểm soát 76B - 5571 do ông Nguyễn C có hộ khẩu ở Quảng Ngãi đứng tên quản lý và bị tai nạn giao thông vào năm 2007, tuy nhiên ông K vẫn hoạt động bình thường và trả những khoản nợ đó. Năm 2009, cha mẹ ông K ủy quyền toàn bộ nhà đất và cộng thêm tiền doanh thu để mua thêm 01 xe biển số 72B - 8298 hoạt động tuyến cố định tại Hợp tác xã L. Quá trình kinh doanh thuận lợi nên ông K và ông D2 mua thêm 01 xe mang biển kiểm soát 72B -0063, từ nguồn vốn được thu nhập của hoạt động kinh doanh trước. Được sự hỗ trợ vốn ngân hàng thì cuối năm 2013 ông K và ông D2 tiếp tục mua thêm 02 đầu xe số 72B - 00932 và xe 72B - 01172, tiền từ thu nhập các đầu xe trước và thông qua thế chấp ngân hàng ông K và ông D2 vừa hoạt động vừa trả lãi gốc cho ngân hàng. Lúc này Ông K1 và ông D2 đã có đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp V1 và duy trì hoạt động. Tuy nhiên do có việc riêng nên ông K1 và ông D2 đã ra Ủy ban nhân dân xã P lập 01 văn bản cam kết cổ phần 50% cũng như quy ước chịu trách nhiệm chung về tài sản và công nợ. Đang hoạt động thì ông K1 và ông D2 không thuận nhau nên ông K1 và ông D2 dẫn đến thanh lý cổ phần, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Kim C1 là cháu ruột của mẹ ông D2, theo đó cả hai đã đi đến thống nhất ông D2 có trách nhiệm chuyển giao cho ông K1 số tiền 4.200.000.000 đồng, ông K1 có trách nhiệm để lại toàn bộ doanh nghiệp và số điện thoại tổng đài do ông K1 đứng tên từ lâu để ông D2 tiếp tục điều hành hoạt động. Ông K1 không có yêu cầu phản tố.

Việc ông D2 yêu cầu ông trả lại số tiền mà hai bên đã thỏa thuận theo nội dung cam kết nêu trên là không có cơ sở. Ông K1 cho rằng ông D2 yêu cầu ông

K1 có trách nhiệm chia sẻ lợi nhuận này cho các anh chị em là không có căn cứ, bởi lẽ những người này không có góp sức gì trong việc kinh doanh giữa ông K1 và ông D2. Ông K1 yêu cầu Tòa án bác yêu cầu trên của ông D2. Ngoài ra, ông D2 cho rằng ông K1 có hành vi ngăn cản anh em về nhà là chung của cha mẹ là không đúng.

Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông K1 không đồng ý và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hoài T và người đại diện theo ủy quyền của bà T, trình bày:*

Bà T là vợ ông K1. Số tiền ông D2 và ông K1 thỏa thuận bàn giao công việc thì bà T không biết. Bà T không liên quan đến số tiền mà các bên đã giao nhận vì bà không sử dụng số tiền của ông D2 và ông K1. Bà T không đồng ý với ý kiến của ông D2. Bà T cũng không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác trong vụ án này, thống nhất lời trình bày của ông K1 và người đại diện theo ủy quyền, không bổ sung gì thêm và đề nghị Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn.

*Người làm chứng ông Huỳnh Á trình bày:*

Ông Á xác nhận ông T1 có gửi tiền về để làm ăn chung với ông D2, còn ông K1 chỉ là lái xe, ngoài ra không biết gì khác.

*Người làm chứng ông Huỳnh T1 trình bày:*

Do cha mẹ đã mất, ông T1 không muốn anh em bất hòa, gây mâu thuẫn. Đối với số tiền 4.200.000.000 đồng mà ông D2 đưa cho ông K1 là tiền của ông D2, giữa ông D2, ông K1 và ông T1 không có văn bản thỏa thuận với nội dung: Ông D2 đưa tiền cho ông K1 là để ông K1 đưa lại cho ông T1 và anh chị em khác trong gia đình. Nếu ông K1 không tự nguyện giao lại cho ông T1 số tiền này thì ông T1 cũng không yêu cầu ông K1 phải trả.

*Người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim A, trình bày:*

Bà thống nhất theo ý kiến của ông D2 là yêu cầu ông K1 trả lại số tiền 4.200.000.000 đồng đã nhận của ông D2 để ông D2 đưa cho ông T1, ông T1 cho ai là quyền của ông T1. Bà A không có nhu cầu nhận lại số tiền này. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

*Người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim H1, trình bày:*

Bà có hùn vốn làm ăn chung với ông D2 và ông K1. Bà khẳng định việc ông D2 chia cho ông K1 số tiền 4.200.000.000 đồng tại thời điểm đó là phù hợp. Nay ông D2 khởi kiện ông K1 để đòi lại tiền đã giao thì bà không đồng ý. Bà cũng không có nhu cầu chia lại hay nhận số tiền này. Vì từ trước đến nay không ai có ý kiến gì về việc này.

*Người làm chứng ông Nguyễn T3 trình bày:*

Ông Thân xác Đ1 vào năm 2015, tổng số tài sản của Doanh nghiệp V1 khoảng 12.500.000.000 đồng. Theo ý chí thống nhất của Duy T2 do ông D2 đại diện thì ông K1 sẽ được nhận lại 01 chiếc xe trị giá 3.700.000.000 đồng để tạo điều kiện

cho ông K1 làm ăn sinh sống, nhưng ông K1 không đồng ý. Do vậy, đích thân ông T3 đã tiến hành hòa giải các bên nhiều lần và cuối cùng ông D2 và ông K1 đã đi đến thống nhất thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản. Ông T3 là người viết giấy cam kết thỏa thuận giữa ông D2 và ông K1 vào ngày 12-10-2015 là không trái pháp luật. Nội dung viết theo ý chí và nguyện vọng của các bên, nhưng có phần ưu ái cho ông K1. Do ông K1 nghỉ trong công ty thì sẽ không có việc làm ổn định nên buộc ông D2 phải có trách nhiệm thanh toán lại tiền cho ông K1 để có nguồn vốn. Đối với dòng chữ: “*Ông Huỳnh T1, bà Kim A, bà Kim H1 không liên quan đến việc này*” ông không viết ra và ông không biết ý nghĩa nội dung dòng chữ này. Mặc dù ông K1 không có cổ phần góp vốn gì trong khối tài sản này nhưng có công sức đóng góp của ông K1. Nên khi viết giấy thì tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết và thống nhất, chỉ có ông T1, bà Kim A và ông Á không có mặt nhưng không ai phản đối việc này. Ông D2 yêu cầu ông K1 trả lại số tiền đã giao cho ông K1 để ông D2 phân chia cho anh em thì đây là chuyện nội bộ nên ông không có ý kiến. Thời gian gần đây ông T1 có nói cho ông T3 biết là ông T1 có gửi tiền về để phát triển doanh nghiệp, nhưng ông K1 nhận tiền không phân chia lại cho ông T1, ông T3 có khuyên là: “*Thôi! Tiền đã gửi về cho em út làm ăn thì lấy lại làm gì cho anh em xào xáo mất đoàn kết*”. Do vậy, các anh em xử lý như thế nào là tùy các anh em ông D2, ông K1, nhưng theo ông T3, nếu ông K1 biết chuyện thì ông T1 không đòi lại tiền làm gì, vì sự việc đã được giải quyết cách đây 08 năm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh D về việc yêu cầu ông Huỳnh K và bà Lê Thị Hoài T (vợ ông K) phải trả số tiền 4.200.000.000 đồng mà ông D đã giao cho ông K 03 lần vào ngày 12-10-2015, 13-10-2015 và ngày 30-10-2015;

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh D về việc yêu cầu ông Huỳnh K và bà Lê Thị Hoài T (vợ ông K) phải trả số tiền lãi (10%/năm) tổng cộng là 2.660.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Huỳnh D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn ông Huỳnh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Huỳnh K đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người làm chứng ông Huỳnh T1 và ông Nguyễn T3 vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt những người làm chứng này.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh D:*

[2.1] Theo nguyên đơn, sở dĩ ông D kiện ông K là vì trước đây ông D và ông K có cùng làm ăn chung với nhau về kinh doanh vận tải xe khách, sau đó giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn nên đã đi đến thống nhất: Ông D giao cho ông K số tiền 4.200.000.000 đồng để ông K giao lại cho các anh chị em trong gia đình vì họ có công giúp đỡ ông D về vốn làm ăn, nay kinh doanh có lãi nên ông D muốn chia lại một phần lợi nhuận cho họ; sau khi nhận đủ số tiền trên, ông K phải bàn giao lại chiếc xe trung chuyển biển số 72D-00187 và sim số điện thoại 0913755388 cho ông D. Việc thỏa thuận này đã được hai bên lập thành văn bản vào ngày 12-10-2015. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền 4.200.000.000 đồng, ông K không thực hiện đúng thỏa thuận là giao lại số tiền này cho các anh chị em trong gia đình mà chiếm hưởng một mình. Do vậy, ông D kiện yêu cầu ông K và vợ là bà T phải trả lại cho ông D số tiền trên để ông D phân chia lại cho các anh chị em khác trong gia đình.

[2.2] Còn theo bị đơn, giữa ông D và ông K cùng làm ăn chung trong việc kinh doanh xe khách. Tuy ông K không góp tiền vốn với ông D để mua xe ô tô, nhưng nguồn vốn mua xe là do ông D thế chấp nhà đất của cha mẹ để vay tiền mua, sau đó khi kinh doanh có lãi thì sử dụng một phần để trả lãi ngân hàng, một phần để đầu tư mua thêm xe khác. Do ông D thế chấp tài sản của cha mẹ để kinh doanh nên ông K là người trực tiếp quản lý việc kinh doanh xe này, cụ thể là trực tiếp làm phụ xe, thu tiền và có thời điểm trực tiếp lái xe. Đến năm 2015, do hai

anh em phát sinh bất đồng trong làm ăn chung nên ông D và ông K đã thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã P là ông D có trách nhiệm giao cho ông K số tiền 4.200.000.000 đồng, còn ông K phải làm thủ tục sang tên cho ông D xe trung chuyển biển số 72D-00187 và sim số điện thoại 0913755388. Thỏa thuận này không liên quan gì đến ông T1 hoặc các anh chị em khác trong gia đình nên việc ông D cho rằng ông K phải giao lại cho các anh chị em khác trong gia đình số tiền trên là không có căn cứ.

[2.3] Xét, lời trình bày nêu trên của ông D không phù hợp với các tài liệu chứng cứ do chính ông D và ông K cung cấp, cụ thể:

Tại biên bản thỏa thuận đề ngày 30-10-2015 tại Ủy ban nhân dân xã P thể hiện: *“Ông Huỳnh D đồng ý nhận phần nợ mà hai bên đã ký cam kết tại Ủy ban nhân dân xã vào ngày 13-7-2025 và nhận lại toàn bộ xe khách mang biển số do ông Huỳnh D đứng tên: gồm: 72B - 00637; 72B - 00932; 72B - 00963; 72B - 001172 và 72B - 00696, ông Huỳnh K đứng tên 72B - 00187; ông D có nghĩa vụ đưa lại cho ông K số tiền 4.200.000.000 đồng và yêu cầu ông K làm hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 72B - 00187 (do ông Huỳnh K đứng tên); giao sim điện thoại số 0913755388 cho ông D. Ông Huỳnh K cũng đồng ý với yêu cầu trên của ông D”*.

Trước đó, vào ngày 12-10-2015, tại nhà ông Huỳnh D, giữa ông D và ông K cũng đã lập văn bản thỏa thuận với nội dung tương tự như trên.

[2.4] Như vậy, trong các văn bản này chỉ thể hiện thỏa thuận giữa hai bên về việc ông D giao cho ông K 4.200.000.000 đồng, còn ông K phải giao lại cho ông D xe ô tô biển số 72B - 00187 và sim điện thoại chứ hoàn toàn không có nội dung nào thể hiện việc ông K phải giao lại cho ông T1 hoặc các anh chị em trong gia đình số tiền trên. Ông T1 cũng có lời khai xác nhận không có thỏa thuận giữa ông, ông D và ông K về việc ông K nhận số tiền 4.200.000.000 đồng và phải giao lại cho ông T1. Người làm chứng là bà Huỳnh Thị Kim H1 và ông Nguyễn T3 cũng có lời khai xác nhận việc thỏa thuận giữa ông D và ông K như trên là vì ông K có công quản lý, điều hành việc kinh doanh xe với ông D, không có việc các bên thỏa thuận ông K phải giao lại 4.200.000.000 đồng cho các anh chị em trong gia đình. Ngoài các văn bản thỏa thuận trên, ông D không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh có việc thỏa thuận ông K phải giao số tiền 4.200.000.000 đồng cho các anh chị em trong gia đình.

[2.5] Mặt khác, bản thân ông D có những lời khai mâu thuẫn về việc giao số tiền 4.200.000.000 đồng cho ông K. Cụ thể, trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, ông D khai số tiền 4.200.000.000 đồng ông giao cho ông K là để ông K giao lại cho các anh chị em, vì ông D muốn chia sẻ một phần lợi nhuận từ việc kinh doanh xe cho các anh chị em trong gia đình, vì trước đó họ đã giúp đỡ ông về tiền vốn làm ăn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông D lại khai năm 2015, do ông K nói với ông T1 về mâu thuẫn giữa ông K và ông D, ông T1 tức giận ông D nên đã gọi điện yêu cầu ông D phải trả lại số tiền mà trước đó ông T1 đã cho ông D mượn để làm vốn kinh doanh xe khách, nếu không ông T1 yêu cầu ông D xóa tên con ông T1 trong thương hiệu Duy T2, và ông T1 đã ủy quyền cho

ông K đại diện nhận số tiền ông D trả cho ông T1. Thực chất, số tiền 4.200.000.000 đồng là ông D giao trả cho ông T1 chứ không phải trả cho ông K, vì ông K không có góp vốn vào việc kinh doanh xe khách của ông D, còn việc ông K quản lý, điều hành việc kinh doanh xe khách thì hàng tháng ông K đã được nhận tiền lương. Vì vậy, không có lý do gì ông D phải trả cho ông K số tiền 4.200.000.000 đồng.

Sự không nhất quán trong lời khai của ông D như trên cũng cho thấy không có thỏa thuận cụ thể, rõ ràng nào giữa ông và ông K về việc ông K phải giao số tiền 4.200.000.000 đồng cho một mình ông T1 hay phải phân chia lại cho các anh chị em trong gia đình.

[2.6] Vì vậy, có căn cứ xác định vào ngày 12-10-2015, ông D và ông K đã thống nhất với nhau cùng đi đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện L lập văn bản thỏa thuận xác định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ trong việc làm ăn chung và được chính quyền địa phương xác nhận. Theo sự thỏa thuận này thì ông D đồng ý giao cho ông K số tiền 4.200.000.000 đồng, đổi lại ông K phải giao lại 01 chiếc xe ô tô và 01 sim điện thoại cho ông D và chấm dứt việc tham gia vào hoạt động kinh doanh xe của V1, ngoài ra không kèm theo điều kiện gì khác. Sau khi thỏa thuận như trên, hai bên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo văn bản thỏa thuận ký ngày 30-10-2015 tại Ủy ban nhân dân xã P. Từ thời điểm năm 2015 đến năm 2022, giữa các bên không có tranh chấp gì về số tiền trên. Bản thân ông Huỳnh T1 và các anh chị em trong gia đình cũng có lời khai xác nhận không yêu cầu ông K trả lại số tiền 4.200.000.000 đồng đã nhận từ ông D. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là đúng quy định pháp luật. Trường hợp giữa ông T1 và ông D phát sinh tranh chấp về việc cho vay tiền hoặc góp vốn với nhau thì các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.7] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền 4.200.000.000 đồng với số tiền là 2.660.000.000 đồng:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[2.8] Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn đối với bị đơn không còn. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm e, khoản 1, Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Khoản 3 Điều 19 Nghị quyết 02/2020/NQ- HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 12/2024/QĐ - BPKCTT ngày 19-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.



[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm có do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 138; Điều 217, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24-9-2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh D về việc yêu cầu ông Huỳnh K và bà Lê Thị Hoài T phải trả số tiền 4.200.000.000 (bốn tỷ, hai trăm triệu) đồng mà ông D đã giao cho ông K vào các ngày 12-10-2015, 13-10-2015 và ngày 30-10-2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh D về việc yêu cầu ông Huỳnh K và bà Lê Thị Hoài T phải trả số tiền lãi 2.660.000.000 (hai tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh D phải nộp 112.200.000 (một trăm mười hai triệu, hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 57.430.000 (năm mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0008973 ngày 02-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Huỳnh D còn phải nộp 54.770.000 (năm mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0003654 ngày 06-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

5. Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21-02-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. L1, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L1, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. L1, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Cao Minh Vỹ**